

Số: 59/QĐ-CTK

Bắc Giang, ngày 17 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai phân bổ dự toán năm 2024 (lần 3)

CỤC TRƯỞNG CỤC THỐNG KÊ BẮC GIANG

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1006/QĐ-CTK ngày 20/5/2020 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thống kê Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 905/QĐ-TCTK ngày 05 tháng 08 năm 2024 của Tổng cục Thống kê về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2024 cho Cục Thống kê Bắc Giang;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Tổ chức- Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 của Cục Thống kê Bắc Giang (chi tiết tại các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính và các thủ trưởng đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, KT.


Đông Văn Sùng

CÔNG KHAI THỰC HIỆN PHẦN BỐ DỰ TOÁN NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 59/QĐ-CTK ngày 17/8/2024 của Cục Thống kê Bắc Giang)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng dự toán được giao	Tổng dự toán đã phân bổ	Chi cục TK KV Bắc Giang - Yên Dũng	Chi cục TK Yên Thế	Chi cục TK Tân Yên	Chi cục TK Lạng Giang	Chi cục TK Lục Nam	Chi cục TK Lục Ngạn	Chi cục TK Sơn Động	Chi cục TK Việt Yên	Chi cục TK Hiệp Hòa	Văn phòng Cục
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Dự toán chi ngân sách nhà nước	147											147
I	Nguồn ngân sách trong nước	147											147
1	Chi quản lý hành chính												
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ												
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ												
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	147											147
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ												
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng												
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên												
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề												
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên												
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên												
4	Chi sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác												